

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HS-ST
Ngày 20-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

ông Nguyễn Đức Hùng

ông Đinh Văn Phúc

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Tuấn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Sơn – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2018/TLST-HS ngày 20/8/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST-HS ngày 05/9/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T (tên thường gọi là N), sinh năm: 1997, tại Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và sinh sống: tổ 5, ấp LM, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: thợ sắt; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thanh X, sinh năm: 1960 và bà Phan Thị N, sinh năm: 1976; gia đình có 04 anh, em, bị cáo thứ hai; chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không;

Ngày 22/6/2018 ra đầu thú và bị tạm giữ cho đến ngày 22/8/2018 được hủy bỏ quyết định tạm giữ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Chị Lương Thị H, sinh năm: 1989

Anh Hồ Viết D, sinh năm: 1990

Cùng cư trú tại: ấp LM, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H và anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 11/11/2017, khi đi bộ ngang qua quán SR của chị Lương Thị H, thuộc ấp LM, xã X, huyện CM thì trời mưa nên bị cáo Nguyễn Thanh T đi vào quán để tránh mưa. Lúc này, quán đã tắt đèn nghỉ bán, còn anh Hồ Viết D (là chồng chị H) và Phạm Ngọc T, Nguyễn Xuân H (là hai nhân viên của quán) đang nằm ngủ trên giường để trước hiên nhà. Trong lúc trú mưa, bị cáo nhìn thấy chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu gold, đang để sạc pin ở đầu giường sáng đèn nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Quan sát thấy mọi người đang ngủ nên bị cáo đã lén lút bước đến rút dây sạc và lấy chiếc điện thoại Iphone 6 bỏ vào túi quần rồi đem về nhà cất giấu. Khoảng 08 giờ ngày 13/11/2017, bị cáo đón xe buýt đi đến quận M, thành phố H bán chiếc điện thoại Iphone 6 cho một cửa hàng mua bán điện thoại (không rõ tên, địa chỉ cụ thể) được 700.000 đồng, tiêu xài hết. Đến ngày 22/06/2018, bị cáo đến Công an huyện CM đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐ ĐG ngày 26/6/2018 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện CM xác định: Điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu gold, loại 32GB, số Imei 356681086899355 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 7.192.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 46/CT-VKSCM ngày 20/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện CM, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện CM, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX): Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS; đề nghị xử phạt bị cáo T mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và họ không yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX thực hiện công bố lời khai của họ tại các bút lục 69 -> 74.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, HĐXX nhận thấy: Điều tra viên, Kiểm sát đã tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS); đảm bảo quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố.

[2] Về sự vắng mặt của các bị hại tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy: những người vắng mặt đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ, các bị hại không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự; việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại các Điều 292 của BLTTHS.

[3] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận: vào đêm 11/11/2017 sau khi đã có uống rượu với bạn bè tại quán, trên đường về nhà thì trời mưa nên bị cáo vào quán SR của chị H trú mưa; lúc này mọi người đã đi ngủ và bị cáo thấy trên đầu giường nơi anh D (chồng chị H) đang nằm ngủ có để 01 chiếc điện thoại Iphone 6 đang sạc pin nên đã lấy trộm điện thoại về cất giấu. Sau đó do không biết mật khẩu mở điện thoại nên bị cáo đem bán cho 01 tiệm mua bán điện thoại ở quận M, thành phố M với giá 700.000 đồng tiêu xài hết.

Lời khai này của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản cung mà Cơ quan điều tra đã thu thập; phù hợp với lời khai của bị hại (anh D, chị H) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã xác định được: vào khoảng 22h30' ngày 11/11/2017 bị cáo Nguyễn Thanh T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu gold, loại 32GB, số Imei 356681086899355 của vợ chồng chị H, anh D đem về nhà cất giấu, sau đó bán được 700.000 đồng tiêu xài cá nhân. Bản kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐ ĐG ngày 26/6/2018 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện CM xác định tại thời điểm bị chiếm đoạt chiếc điện thoại có giá trị là 7.192.000 đồng. Tại thời điểm thực hiện tội phạm thì hành vi của bị cáo T đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999; tuy nhiên, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội thì việc Cáo trạng số 46/CT-VKSCM ngày 20/8/2018 của VKSND huyện CM truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS là phù hợp.

[4] Bị cáo T là thanh niên đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực tự điều khiển hành vi của mình; bị cáo biết rõ trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do xem thường pháp luật, thích hưởng thụ, muốn lấy tài sản của người khác làm tài sản riêng của mình mà bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương; do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử và quyết định hình phạt tương xứng với hành vi, tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo là cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt; bên cạnh đó cũng để răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội áp dụng cho bị cáo T được hưởng 04 tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS, đó là: người phạm tội đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả (điểm b); phạm tội gây thiệt hại không lớn (điểm h); phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i); và người phạm tội thành khẩn khai báo (điểm s). Ngoài ra, HĐXX cũng xem xét việc bị cáo ra đầu thú, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[7] Từ những phân tích về tính chất, vai trò, mức độ nguy hiểm, hành vi phạm tội cùng các giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy bị cáo T có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên HĐXX áp dụng Điều 65 của BLHS đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra, bị hại đã nhận bồi thường, không yêu cầu gì thêm và có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Do đó HĐXX không xem xét, giải quyết về phần dân sự.

[9] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thanh T 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng các bị hại vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật tố tụng./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Sở tư pháp Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện;
- Cơ quan THAHS Công an huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)
Hà Thế Nam